

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua  
đò, phà (thuộc địa phương quản lý) đối với đò, phà ngang  
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí qua phà; Thông tư số 61/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí qua phà;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu phí qua đò, phà (thuộc địa phương quản lý) đối với đò, phà ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua đò, phà (thuộc địa phương quản lý) đối với đò, phà ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua đò, phà (thuộc địa phương quản lý) đối với đò, phà ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân vận chuyển người, hàng hóa, xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe gắn máy và xe ô tô các loại bằng đò, phà trên sông được thực hiện thu phí qua đò, phà.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua đò, phà đối với đò, phà ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## 3. Đối tượng nộp phí

Tất cả các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ qua đò, phà. Trừ những đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều này.

## 4. Đối tượng không thu phí

Không thu phí đối với Thương binh, bệnh binh, người cao tuổi, học sinh và trẻ em dưới 10 tuổi (bao gồm cả trường hợp đi xe đạp). Khi qua đò, phà các đối tượng này phải xuất trình các giấy tờ (bản sao có công chứng, chứng thực) cần thiết như sau:

- Thẻ thương binh, bệnh binh hoặc giấy chứng nhận đối với thương binh, bệnh binh.

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền cấp (có ảnh và có năm sinh) đối với người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, theo quy định tại Điều 2 Chương I, Luật Người Cao tuổi).

- Thẻ học sinh hoặc giấy chứng nhận của Nhà trường đối với học sinh.

- Giấy khai sinh đối với trẻ em.

## 5. Miễn, giảm phí

Việc miễn, giảm phí qua đò, phà được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí.

## 6. Mức thu phí

Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## 7. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

a) Đối với bên đò, phà do Nhà nước đầu tư thì phí qua đò, qua phà là khoản thu thuộc Ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

- Đối với đơn vị, tổ chức thu phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán ngân sách hàng năm phải nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

- Đối với đơn vị, tổ chức thu phí chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí: Được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải

chi phí cho các hoạt động thu phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 04/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí qua phà; số còn lại là 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với bên đò, phà không do Nhà nước đầu tư: Phí qua đò, qua phà là khoản thu không thuộc Ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh, khai thác và quản lý thu có nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền phí thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

c) Biên lai, chứng từ thu phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

d) Đơn vị, tổ chức thu phí phải lập, giao biên lai thu phí hoặc hóa đơn thu phí cho đối tượng nộp phí; có trách nhiệm niêm yết công khai mức thu phí theo quy định; treo bảng ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận thấy; thu đúng mức thu phí qua đò, qua phà đã được niêm yết.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 140/2003/QĐ.UBNDT ngày 26 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí qua phà Mỹ Thanh, Dù Tho và Chàng Ré, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 144/2003/QĐ.UBNDT ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí qua đò đối với đò ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Cục Thuế và các ngành chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra thực hiện việc thu phí theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP. ĐDBQH & HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: TH, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Trần Thành Nghiệp**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu theo khoảng cách 02 bên đò, phà			
			Dưới 300 m	Từ 300 m đến dưới 1000 m	Từ 1000 m đến dưới 3000 m	Từ 3000 m trở lên
1	Hành khách	đồng/lượt	2.000	3.000	4.000	5.000
2	Hành khách mua vé tháng	đồng/tháng	40.000	60.000	80.000	100.000
3	Hành khách đi xe đạp (kể cả xe đạp điện)	đồng/lượt	3.000	4.000	5.000	6.000
4	Hành khách đi xe đạp (kể cả xe đạp điện) mua vé tháng	đồng/tháng	60.000	80.000	100.000	120.000
5	Hành khách đi xe gắn máy (nếu đi 02 người thì người còn lại phải mua vé theo giá hành khách)	đồng/lượt	4.000	6.000	8.000	10.000
6	Hành khách đi xe gắn máy mua vé tháng	đồng/tháng	80.000	100.000	120.000	200.000
7	Xe ô tô từ 4 đến 5 ghế	đồng/lượt	15.000	30.000	40.000	50.000
8	Xe ô tô từ 6 đến dưới 12 ghế	đồng/lượt	20.000	40.000	50.000	60.000
9	Xe ô tô từ 12 đến dưới 30 ghế	đồng/lượt	25.000	50.000	60.000	70.000
10	Xe ô tô từ 30 ghế trở lên	đồng/lượt	30.000	60.000	70.000	80.000
11	Xe ô tô tải dưới 2,5 tấn	đồng/lượt	20.000	35.000	45.000	55.000
12	Xe ô tô tải từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn	đồng/lượt	25.000	50.000	60.000	70.000
13	Xe ô tô tải từ 5 tấn đến 8 tấn	đồng/lượt	30.000	60.000	70.000	80.000
14	Trường hợp cần thuê bao chuyên	đồng/lượt	60.000	120.000	160.000	200.000
15	Hàng hóa từ 50 kg trở lên (tùy theo trọng lượng, đơn vị tính: đồng/01 đơn vị tính 50 kg)	đồng/lượt	2.000	3.000	4.000	5.000
16	Hàng hóa cồng kềnh		Tùy theo trọng lượng, mức thu không quá 02 lần mức thu hàng hóa thông thường			

**\* Ghi chú:**

- Mức thu phí xe ô tô, xe tải được miễn mua vé 01 người, những người còn lại theo xe phải mua thêm vé theo giá hành khách.
- Mức thu phí cho hành khách mua vé tháng được tính bằng 66,66 % mức thu phí theo lượt (01 tháng tính trung bình 30 ngày, mỗi ngày đi một lượt).
- Mức thu phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách.
- Việc xác định hàng hóa cồng kềnh do thỏa thuận giữa chủ phương tiện với tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ chở đò (phà)/.